

BÁO CÁO

tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế

Thực hiện Công văn số 2543-CV/BTGTW, ngày 08/3/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương về tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 20-NQ/TW).

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang báo cáo kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, như sau:

I- TÌNH HÌNH PHỔ BIẾN, QUÁN TRIỆT TRIỂN KHAI THỰC HIỆN**1. Công tác triển khai học tập, quán triệt, tuyên truyền**

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 77-KH/TU, ngày 07/01/2013 về nghiên cứu, học tập, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và một số nghị quyết của Đảng. Theo đó, Tỉnh ủy tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt, triển khai Nghị quyết cho trên 300 đại biểu cán bộ chủ chốt cấp tỉnh. Đồng thời, 15/15 đảng bộ trực thuộc tổ chức hội nghị cán bộ chủ chốt ở cấp mình; 100% tổ chức cơ sở đảng tổ chức hội nghị cho trên 50.000 đảng viên tham dự.

Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc tập trung tuyên truyền, vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước; áp dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào đời sống, sản xuất. Công tác tuyên truyền được thực hiện với nhiều hình thức phong phú, như: Qua phương tiện thông tin đại chúng, các buổi sinh hoạt chi bộ, thôn, tổ dân phố. Đồng thời, tập trung đổi mới công tác thông tin tuyên truyền, đi sâu giới thiệu, quảng bá, biểu dương, nhân rộng những mô hình, cách làm sáng tạo mang lại hiệu quả thiết thực; tinh thần lao động sáng tạo, ứng dụng khoa học công nghệ, cải tiến kỹ thuật vào phát triển kinh tế.

2. Công tác chỉ đạo xây dựng các văn bản triển khai, thể chế hóa

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động số 64-CTr/TU, ngày 17/4/2013 về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; Chương trình số 138-CTr/TU, ngày 20/4/2015 về đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế; Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 29/10/2021 về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng ứng dụng khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Trên cơ sở đó, các cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể đã cụ thể hóa thành 32 chương trình, quyết định, kế hoạch để triển khai thực hiện (có Phụ lục I kèm theo).

3. Đánh giá nhận thức vai trò của các cấp ủy, chính quyền, các ngành đoàn thể và cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện

Thông qua công tác tuyên truyền, các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân nắm rõ những nội dung cơ bản về khoa học và công nghệ, từng bước ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào đời sống, sản xuất, nâng cao thu nhập, làm thay đổi cơ bản nhận thức về vị trí, vai trò của khoa học và công nghệ; tạo thành động lực quan trọng nâng cao mức sống, thu nhập; thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương ngày càng phát triển bền vững.

II- KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết

1.1. Về trình độ khoa học và công nghệ

Các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên quan tâm, lãnh đạo, chỉ đạo về lĩnh vực khoa học và công nghệ; xây dựng và đưa các nội dung, chỉ tiêu cụ thể về khoa học và công nghệ vào chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương và đạt được nhiều thành tựu quan trọng; công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ, việc ứng dụng trong hệ thống ngân hàng, quản lý hành chính, sản xuất, kinh doanh được triển khai đồng bộ, thiết thực, hiệu quả, phù hợp với điều kiện của địa phương. Tốc độ đổi mới công nghệ của tỉnh đạt khoảng 8%; khả năng tiếp thu, làm chủ công nghệ được nâng lên; một số doanh nghiệp tích cực, chủ động đầu tư để đưa các phương tiện, máy móc, thiết bị, phần mềm công nghệ tiên tiến, hiện đại vào sản xuất, kinh doanh; chú trọng đổi mới, nâng cấp công nghệ và đầu tư nghiên cứu đổi mới năng lực sản xuất.

1.2. Về phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học

Trong quá trình triển khai thực hiện, tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời việc xây dựng và phát huy nội lực về khoa học và công nghệ kết hợp với việc tiếp thu

có chọn lọc các thành tựu khoa học và công nghệ phù hợp với thực tiễn của địa phương. Kết hợp chặt chẽ khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn; gắn nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ với giáo dục và đào tạo và hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Tỉ lệ nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ trong các lĩnh vực tương đối đồng đều, cụ thể: Nông - lâm nghiệp chiếm 35,6%; khoa học xã hội - nhân văn, y dược chiếm 26,6%; khoa học kỹ thuật công nghệ, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin chiếm 37,8%.

1.3. Về đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng trưởng kinh tế

Các hoạt động khoa học và công nghệ có bước chuyển biến tích cực, nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật được áp dụng trong các lĩnh vực, nhất là trong lĩnh vực cải cách hành chính, phát triển nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt là trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

Giai đoạn 2012 - 2020, đóng góp của yếu tố tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 10,26%, tốc độ tăng năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân đạt 1,36%/năm. Tỉ phần đóng góp các yếu tố vốn và lao động có xu hướng giảm dần, tỉ phần đóng góp của TFP tăng dần. Qua đó, chất lượng tăng trưởng kinh tế của tỉnh dần được cải thiện và dịch chuyển dần từ chiều rộng sang chiều sâu.

1.4. Về đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ

Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp thường xuyên được kiện toàn, đảm bảo về số lượng và chất lượng. Hằng năm, Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh tham gia tích cực và hiệu quả đối với việc tư vấn, xét chọn các dự án khoa học và công nghệ vào phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tổ chức xét, tuyển chọn các đề tài, dự án khoa học và công nghệ triển khai thực hiện trên địa bàn. Thường xuyên hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư các trang thiết bị công nghệ kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống. Đồng thời, xây dựng thương hiệu để quảng bá và nâng cao các giá trị sản phẩm của địa phương.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ khoa học và công nghệ được chú trọng, tăng cường hợp tác, liên kết với các trường đại học; hợp tác chặt chẽ giữa công tác tuyển sinh đào tạo với nhu cầu tuyển dụng, tổ chức mở các lớp đại học tại chức, vừa học vừa làm nhằm bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chung của tỉnh và công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Toàn tỉnh có 30.483 cán bộ khoa học và công nghệ. Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ và tương đương 54 đồng chí, thạc sĩ/chuyên khoa cấp I là 1.300 đồng chí, đại học 18.635 đồng chí, cao đẳng 3.825 đồng chí, trung cấp 6.463 đồng chí, số còn lại 206 đồng chí.

1.5. Về phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ

Các cấp, các ngành thường xuyên tư vấn, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ đăng ký quyền sở hữu công nghệ, đặc biệt là nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm đặc sản của địa phương. Đến nay, có 05 doanh nghiệp khoa học và kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, dược liệu, công nghệ thông tin. Dù số lượng chưa nhiều nhưng các doanh nghiệp về lĩnh vực khoa học công nghệ cơ bản hoạt động hiệu quả, tạo việc làm cho người lao động trong tỉnh.

2. Kết quả đạt được theo các nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 20-NQ/TW và Kết luận số 50-KL/TW

2.1. Đổi mới tư duy, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước đối với sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ

Tỉnh tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành, địa phương tổ chức triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng kế hoạch phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh đến năm 2025, trong đó chú trọng xây dựng các luận cứ phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng - an ninh, chuyển giao các thành quả khoa học và công nghệ cho nông nghiệp, nông thôn vùng sâu, vùng xa, nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ, tăng cường đầu tư, khuyến khích phát triển thị trường khoa học và công nghệ. Các cấp ủy, chính quyền thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ gắn với mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của các ngành, địa phương. Các mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được đưa vào tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của người đứng đầu, của cấp ủy đảng, chính quyền hằng năm.

2.2. Đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ

Thường xuyên đổi mới công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ, quy trình đăng ký, xét duyệt, tuyển chọn, phê duyệt và giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ; quy trình tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ được thực hiện theo đúng quy định, hướng dẫn của Trung ương.

Trong những năm qua, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định¹ quy định nhiệm vụ và hoạt động khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, tổ chức thành công nhiều hội nghị, hội thảo khoa học để tìm giải pháp tháo gỡ khó

¹ Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND, ngày 06/8/2015 về Quy định một số định mức xây dựng dự toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 16/2016/QĐ-UBND, ngày 11/8/2016 về Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Quyết định số 1411/QĐ-UBND, ngày 03/8/2015 về Quy định tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN cấp tỉnh được kiện toàn, sắp xếp lại phòng chuyên môn, nghiệp vụ; Quyết định số 1412/QĐ-UBND, ngày 03/8/2015 về Quy định hệ thống tổ chức quản lý khoa học và công nghệ cấp huyện, thành phố được đặt tại phòng Kinh tế và Hạ tầng (đối với huyện), phòng Kinh tế (đối với thành phố).

khăn, phát huy tiềm năng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh². Chỉ đạo các huyện, thành phố, các sở, ngành đổi mới cơ chế, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách đối với hoạt động khoa học và công nghệ phù hợp với đặc thù của từng lĩnh vực và nhu cầu phát triển của địa phương, đơn vị, ngành.

2.3. Kết quả triển khai các định hướng nhiệm vụ nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ chủ yếu

Trong 10 năm qua, tỉnh đã triển khai thực hiện 233 nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ, trong đó: Có 21 nhiệm vụ cấp quốc gia, cấp bộ; 105 nhiệm vụ cấp tỉnh, 107 nhiệm vụ cấp cơ sở (chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo). Kết quả triển khai nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh đã đóng góp vào việc phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Các hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ đã có bước phát triển mạnh, như: Việc ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất và đời sống; căn cứ khí hậu, đất đai, thổ nhưỡng từng vùng để thí nghiệm, nhân rộng các mô hình sản xuất mới, nâng cao năng suất, chất lượng của cây trồng, vật nuôi; triển khai xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ cho sản phẩm nông, lâm nghiệp. Việc nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật đạt hiệu quả đã giúp ổn định về lương thực và thực phẩm, tăng thu nhập cho nhân dân. Đồng thời, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đưa một số sản phẩm đặc sản của địa phương thành thương hiệu (Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý đối với 08 sản phẩm đặc sản của tỉnh³; 17 nhãn hiệu chứng nhận; 13 nhãn hiệu tập thể; 153 nhãn hiệu độc quyền; 02 kiểu dáng công nghiệp). Đây là cơ sở quan trọng để xây dựng và đưa các thương hiệu của tỉnh đến thị trường trong nước và ngoài nước, tăng thu nhập bền vững cho người dân, góp phần vào công cuộc xóa đói, giảm nghèo của tỉnh.

- Lĩnh vực nông nghiệp: Các hoạt động ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất được triển khai thực hiện hiệu quả, có bước phát triển mạnh mẽ, nhất là lĩnh vực sản xuất nông nghiệp nông thôn. Việc nâng cao năng suất, chất lượng một số cây trồng, vật nuôi và sản phẩm hàng hóa chủ yếu, thúc đẩy kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa được thông qua nhiều mô hình, tạo bước đột phá mới trong nông nghiệp, đồng thời xác định được tiềm năng thế mạnh của từng vùng, như: Mô hình trồng lạc của huyện Bắc Quang; trồng ngô hàng hóa ở huyện Xín Mần, Đồng Văn, Mèo Vạc; trồng đậu tương tại huyện Hoàng Su Phì, Xín Mần; cây dược liệu, rau an toàn, rau trái vụ của huyện Quản Bạ; cây ăn quả có múi theo hướng hàng hóa tại huyện Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên.

² “Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang”; “Bàn đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển bền vững Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn”.

³ Mật ong Bạc hà Mèo Vạc, Cam sành Hà Giang, Chè Shan tuyết Hà Giang, Hồng không hạt Quản Bạ, Thào quả Vị Xuyên, Bò vàng Hà Giang, Cá bống Hà Giang; Gạo tẻ Giã dui Xín Mần.

- Lĩnh vực chăn nuôi: Tập trung vào việc cải tạo đàn gia súc, gia cầm; bảo tồn và phát triển các nguồn gen quý của địa phương, như: Bò vàng, gà lông xước, các loài cá bản địa (lăng chấm, chiên, dầm xanh, anh vũ). Đây là cơ sở khoa học quan trọng để tiếp tục bảo tồn và phát triển chăn nuôi, thủy sản, tăng hiệu quả kinh tế, tạo sinh kế cải thiện đời sống cho người dân.

- Lĩnh vực công nghiệp: Các doanh nghiệp đã quan tâm, lựa chọn công nghệ khai thác, chế biến phù hợp (công nghệ chế biến sâu khoáng sản như luyện Angtimon, sản xuất Ferrimangan, Silicomangan, chì thỏi, chì kim loại, Mangan được xây dựng với công nghệ phù hợp), góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, giá trị sản phẩm, tiết kiệm tài nguyên và hạn chế những tác động, ảnh hưởng đến môi trường.

- Lĩnh vực công nghệ thông tin: Các sở, ban, ngành, huyện, thành phố tiếp tục duy trì ứng dụng hiệu quả toàn diện và thống nhất phần mềm quản lý văn bản điều hành điện tử (Vnptioffice) trong xử lý công việc, 100% các văn bản chỉ đạo điều hành được gửi, nhận trên Vnptioffice. Hoàn thành việc tích hợp chữ ký số chuyên dùng trên phần mềm quản lý văn bản và điều hành trên địa bàn tỉnh; hoàn thành việc nâng cao và mở rộng hệ thống giao ban điện tử của tỉnh bằng công nghệ hiện đại, đảm bảo tương thích với các thiết bị công nghệ tiêu chuẩn quốc tế, đảm bảo liên thông từ tỉnh tới các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn; triển khai tích hợp các hệ thống trực tuyến từ tỉnh đến cơ sở và Trung ương.

- Lĩnh vực du lịch, dịch vụ: Tỉnh đã xác định và khoanh vùng nhiều điểm di sản địa chất, địa mạo có giá trị cao phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và mở ra loại hình, sản phẩm du lịch mới - du lịch địa chất để phát triển các tua, tuyến mới; mở rộng hợp tác với các tỉnh trong khu vực và một số thành phố trong nước như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng... để khai thác, phát triển du lịch, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; xây dựng chương trình liên kết du lịch với Châu Văn Sơn, tỉnh Vân Nam Trung Quốc.

- Lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Các trường đã tích cực nghiên cứu khoa học, đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng đào tạo, chất lượng giáo dục toàn diện; tỷ lệ học sinh khá, giỏi các cấp được nâng lên qua các năm.

- Trong lĩnh vực y tế: Đội ngũ y, bác sỹ chủ động trong việc tiếp cận, nắm bắt và sử dụng hiệu quả các trang, thiết bị hiện đại, triển khai phần mềm quản lý khám, chữa bệnh tại 16/16 bệnh viện; triển khai phần mềm quản lý y tế tại 193/193 Trạm y tế xã, phường, thị trấn; phần mềm bệnh án điện tử tại 03 bệnh viện; thực hiện liên thông dữ liệu khám, chữa bệnh bảo hiểm y tế với cơ quan bảo hiểm xã hội; giải quyết được nhiều ca bệnh phức tạp, hiếm nghèo, như: Phẫu thuật nội soi, phẫu thuật tán sỏi.

Nhìn chung, các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã bám sát các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phân bổ kinh phí phù hợp với nhu cầu thực tế của

hoạt động khoa học và công nghệ theo các nhóm ngành, từng bước khắc phục tình trạng dàn trải, chú trọng ưu tiên ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm nghiệp, bảo vệ rừng và phát triển rừng; bảo vệ tài nguyên thiên nhiên... Tập trung nghiên cứu, cung cấp luận cứ khoa học phục vụ hoạch định chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, công tác xây dựng Đảng, hệ thống chính trị, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đổi mới công tác giáo dục đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tập trung nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn, sản xuất theo hướng chuyên canh, tập trung quy mô lớn, nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, nghiên cứu chọn tạo các giống cây, con chủ lực có thể mạnh, chất lượng cao; xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất giống, phát triển cây công nghiệp, cây dược liệu, hình thành vùng sản xuất hàng hóa, gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu, đẩy nhanh các ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phù hợp với điều kiện từng vùng trong tỉnh góp phần thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới.

2.4. Phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và thị trường khoa học và công nghệ

Các cấp ủy, chính quyền thường xuyên lãnh đạo, chỉ đạo việc tư vấn hướng dẫn phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đến nay, cấp Giấy chứng nhận 05 doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thuộc các lĩnh vực nông nghiệp, dược liệu, công nghệ thông tin, nhìn chung các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả.

Thực hiện Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, các văn bản chỉ đạo của Trung ương⁴, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chương trình số 302/CTr-UBND, ngày 05/12/2016 về tiếp sức khởi nghiệp tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020; Kế hoạch số 450/KH-UBND, ngày 18/12/2017 về thực hiện Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2020 trên địa bàn tỉnh Hà Giang; Kế hoạch số 144/KH-UBND, ngày 26/4/2018 về triển khai chương trình nâng cao năng lực khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hệ sinh thái khởi nghiệp tỉnh Hà Giang năm 2018 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 294/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017 về ban hành chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp lĩnh vực khoa học công nghệ trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 100/KH-UBND, ngày 29/3/2019 về chương trình hoạt động Vườn ươm doanh nghiệp khởi nghiệp tỉnh năm 2019. Trong điều kiện còn nhiều khó khăn về phát triển kinh tế, lĩnh vực công nghệ và thị trường công nghệ của tỉnh đã có những bước chuyển biến tích cực, xây dựng nền tảng cho phát triển của các doanh nghiệp, trong đó đặc biệt là hỗ trợ các doanh nghiệp ứng dụng và đổi mới sáng tạo.

⁴ Quyết định số 844/QĐ-TTg, ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; Quyết định số 939/QĐ-TTg, ngày 30/6/2016 về phê duyệt Đề án hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025; Quyết định số 1665/QĐ-TTg, ngày 30/10/2017 về phê duyệt Đề án hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp đến năm 2025

2.5. Hợp tác và hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ

Tỉnh đã ký thỏa thuận hợp tác với 09 đơn vị ở Trung ương, gồm: Hợp tác Viện dược liệu - Bộ Y tế về nghiên cứu, phát triển dược liệu tỉnh Hà Giang; hợp tác với Đại học Quốc gia Hà Nội; Đại học Thái Nguyên về đào tạo nguồn nhân lực và phát triển khoa học và công nghệ; hợp tác với Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam, Viện Khoa học Nông, lâm nghiệp miền núi phía Bắc, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về phát triển khoa học và công nghệ nhằm đưa nhanh các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học và công nghệ, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và kinh tế - xã hội của tỉnh; hợp tác với Trường Chính sách công và quản lý Fulbright, Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel, VNPT, FPT về lĩnh vực công nghệ thông tin. Với mục đích tăng cường mở rộng hợp tác khoa học và công nghệ và liên kết với các viện, trường nhằm đưa nhanh các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; phát huy và sử dụng hiệu quả các nguồn lực khoa học và công nghệ của các viện, trường đại học, góp phần xây dựng được tiềm lực khoa học và công nghệ, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học công nghệ và kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đẩy mạnh hợp tác về khoa học và công nghệ với thành phố Bách Sắc - Quảng Tây (Trung Quốc); tổ chức đưa đoàn quốc tế khảo sát, nghiên cứu khai thác nước từ các hang động cao nguyên đá Đồng Văn phục vụ nước sinh hoạt, triển khai và đưa vào khai thác sử dụng hệ thống bơm nước không dùng điện (PAT) thuộc dự án “Nghiên cứu triển khai công nghệ khai thác sử dụng bền vững nguồn tài nguyên các vùng núi đá vôi Việt Nam, áp dụng thử nghiệm ở một số khu vực thuộc Công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn Hà Giang”.

III- ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Sau 10 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Hà Giang có những chuyển biến tích cực. Công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ được đổi mới, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được định hướng theo các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể trên cơ sở bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra. Thông qua việc triển khai các định hướng nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ đã thu hút được đông đảo các nhà khoa học, các chuyên gia, các tổ chức chính trị - xã hội, các doanh nghiệp, các hợp tác xã tham gia. Nhiều kết quả khoa học và công nghệ đã được ứng dụng rộng rãi vào thực tiễn sản xuất và đời sống, đóng góp quan trọng vào mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Các văn bản được cụ thể hóa đã tạo cơ sở pháp lý cho tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thuận lợi; hệ thống bộ máy tổ chức từ tỉnh đến cơ sở đã được kiện toàn và đi vào hoạt động ổn định.

Việc đào tạo bồi dưỡng cán bộ có trình độ khoa học và công nghệ, chuyên môn được nâng cao, tăng cường hợp tác, liên kết giữa các trường đại học trong công tác tuyển sinh đào tạo gắn với nhu cầu sử dụng, nhằm bồi dưỡng, đào tạo nguồn cán bộ khoa học và công nghệ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của tỉnh.

2. Hạn chế, yếu kém và nguyên nhân

2.1 Hạn chế, yếu kém

- Khoa học và công nghệ chưa thể hiện rõ vai trò, động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, chưa có nhiều công trình khoa học mang tính đột phá, thúc đẩy sự phát triển mạnh trên các lĩnh vực. Việc gắn kết giữa nghiên cứu khoa học và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành chưa chặt chẽ, đồng bộ.

- Việc lựa chọn thực hiện các đề tài, đề án khoa học công nghệ chưa có trọng tâm, trọng điểm và chiến lược; chưa gắn với ứng dụng nâng cao chất lượng các sản phẩm có thế mạnh của tỉnh, nhất là trong nông nghiệp.

- Kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ vào thực tiễn còn hạn chế, các doanh nghiệp ít quan tâm đến việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

- Việc đầu tư cho khoa học và công nghệ, đặc biệt phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ trong các đơn vị sự nghiệp ở địa phương chưa nhiều. Hoạt động của các trung tâm, trạm, trại khoa học kỹ thuật còn chưa thích ứng với cơ chế thị trường, chưa phát huy vai trò làm cầu nối, dịch vụ gắn khoa học công nghệ với sản xuất.

- Thị trường khoa học công nghệ chưa phát triển; hoạt động dịch vụ khoa học công nghệ kém đa dạng, chưa được các doanh nghiệp và người dân quan tâm.

- Chưa thu hút được các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt các doanh nghiệp chưa quan tâm ứng dụng, đổi mới công nghệ vào sản xuất.

2.2. Nguyên nhân

2.2.1. Nguyên nhân khách quan

+ Hà Giang là một tỉnh đặc thù có nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội (miền núi, biên giới, dân tộc...), trình độ dân trí chưa cao.

+ Các chính sách cho hoạt động khoa học đang trong giai đoạn bước sang thời kỳ mới, chưa khuyến khích mạnh các tổ chức, cá nhân tích cực tham gia vào công tác nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật.

+ Những tác động của suy thoái kinh tế, thiên tai, dịch bệnh đã ảnh hưởng đến việc huy động mọi nguồn lực cho hoạt động khoa học và công nghệ của tỉnh.

+ Trình độ công nghệ của các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp còn thấp, tỷ trọng thiết bị hiện đại không nhiều, ít có sản phẩm áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001. Phần lớn các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng cơ bản và dịch vụ, nên việc ứng dụng khoa học và công nghệ vào đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm ít được quan tâm.

2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

+ Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền và các ngành chức năng của tỉnh chưa đầy đủ, sâu sắc về vai trò của khoa học và công nghệ, chưa coi khoa học và công nghệ là nhiệm vụ, giải pháp thúc đẩy hoạt động của ngành, địa phương và doanh nghiệp.

+ Việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về khoa học và công nghệ còn thiếu chủ động, cơ chế chậm đổi mới.

+ Đầu tư ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ còn thấp, chưa phát huy được mọi nguồn lực của xã hội. Cơ sở vật chất của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập còn thiếu thốn, chưa đảm bảo đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, ứng dụng. Số lượng, chất lượng cán bộ kỹ thuật, cán bộ nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ ở các trung tâm, trạm trại, trường học còn hạn chế, thiếu chuyên gia đầu ngành giỏi. Chưa có cơ chế mạnh để huy động nguồn lực cho khoa học và công nghệ.

2.3. Bài học kinh nghiệm

Một là, các cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cần tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và phối hợp triển khai công tác khoa học và công nghệ; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến thông tin, các tiến bộ khoa học và công nghệ đến các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh và nhân dân.

Hai là, trong quá trình triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ, khi xây dựng dự án phải chọn đúng nội dung cần chuyển giao phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Chọn địa phương triển khai dự án phải đủ điều kiện; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành có liên quan trong việc triển khai nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Đồng thời, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để tăng hiệu quả mà dự án đạt được theo đúng thực tế.

Ba là, thường xuyên quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt, chú trọng bố trí cán bộ có trình độ lý luận, chuyên môn cao để đáp ứng kịp thời nhiệm vụ giao; khuyến khích, tạo mọi điều kiện để doanh nghiệp và người dân tìm hiểu, tham gia ứng dụng khoa học và công nghệ.

Bốn là, tăng cường đầu tư tiềm lực khoa học và công nghệ đủ mạnh để thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

IV- MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG TỪ NAY ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

1. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất, đời sống, tập trung đầu tư cho khoa học và công nghệ có trọng tâm trọng điểm, không dàn trải.

- Ứng dụng rộng rãi các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ thích hợp ở khu vực nông thôn và miền núi, chú trọng các vùng đặc biệt khó khăn nhằm phát huy thế mạnh vùng miền, tạo việc làm, tăng thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân. Tăng tỷ lệ nhiệm vụ khoa học và công nghệ có khả năng thương mại hóa, đặc biệt là mô hình ứng dụng trong sản xuất đời sống.

- Đẩy mạnh và thực hiện hiệu quả các chương trình khoa học và công nghệ hỗ trợ các doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh, coi doanh nghiệp là trọng tâm của hoạt động ứng dụng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển của kinh tế - xã hội và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Đổi mới chính sách đầu tư, cơ chế phân bổ, sử dụng ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học và công nghệ theo hướng trao quyền chủ động cho các đơn vị được quản lý và sử dụng kinh phí chi cho hoạt động khoa học và công nghệ tại đơn vị mình theo quy định.

2. Tăng cường tiềm lực khoa học công nghệ, đẩy mạnh liên kết, hợp tác sâu rộng với các tổ chức khoa học và công nghệ trong và ngoài nước; tập trung đầu tư cho các đơn vị sự nghiệp khoa học công nghệ. Thúc đẩy phát triển mối liên kết giữa ứng dụng khoa học công nghệ với doanh nghiệp nhằm tăng thương mại hóa sản phẩm khoa học và công nghệ.

- Tiếp tục triển khai việc đổi mới cơ chế sử dụng kinh phí nhà nước cho khoa học và công nghệ, huy động các nguồn xã hội cho khoa học và công nghệ. Đổi mới cơ chế quản lý tài chính phải trên nguyên tắc đảm bảo tăng dần năm sau cao hơn năm trước, hàng năm phần đầu tăng trung bình mỗi năm 0,1% tổng chi phí ngân sách địa phương.

- Tăng cường nguồn nhân lực khoa học và công nghệ. Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đủ về số lượng, có chất lượng cao.

- Từng bước hoàn thiện cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khoa học công nghệ, đi đôi với củng cố cơ sở vật chất trang thiết bị, điều kiện làm

việc của các cơ quan nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ, đáp ứng năng lực hoạt động trong cơ chế thị trường xã hội chủ nghĩa.

3. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động khoa học và công nghệ, đặc biệt là khâu quản lý ngân sách khoa học công nghệ. Đơn giản hóa quy trình và thủ tục, giảm thiểu thời gian và chi phí trong thực hiện thủ tục hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong việc quản lý và thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý và giải quyết thủ tục hành chính.

V- KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

- Đảng và Nhà nước có chủ trương, cơ chế chính sách đặc thù cho các tỉnh khó khăn về kinh tế, yếu về tiềm lực khoa học và công nghệ.

- Nghiên cứu ban hành chính sách cụ thể về đầu tư hỗ trợ cho ứng dụng khoa học và công nghệ đối với những vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Giang trân trọng báo cáo.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Trung ương (báo cáo),
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Các ban, sở, ngành, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc,
- Lãnh đạo, chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ



Nguyễn Mạnh Dũng



THÔNG KÊ CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH, KẾ HOẠCH, CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG ĐÃ ĐƯỢC TRIỂN KHAI
(kèm theo báo cáo số 285-BC/TU, ngày 09/5/2022 của Ban Thường Tỉnh ủy)

TT	Thể loại văn bản	Tên văn bản	Cơ quan ban hành
I	Tỉnh ủy		
1	Nghị Quyết số 01-NQ/ĐH, ngày 29/9/2015	Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2015 - 2020	Tỉnh ủy
2	Nghị Quyết số 07-NQ/ĐH, ngày 17/10/2020	Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020 - 2025	Tỉnh ủy
3	Nghị quyết số 18-NQ/TU, ngày 29 tháng 10 năm 2021	Nghị quyết về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030	Tỉnh ủy
4	Chương trình số 64-CTr/TU, ngày 17/4/2013	Chương trình hành động của BCH Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW, ngày 01/11/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	Tỉnh ủy
II	UBND tỉnh		
5	Kế hoạch số 97/KH-UBND, ngày 6/6/2014	Kế hoạch Thực hiện Chương trình 64-Ctr của BCH Đảng bộ tỉnh Hà Giang về phát triển KH&CN phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.	UBND tỉnh
6	Quyết định số 1720/QĐ-UBND, ngày 27/8/2014	Quyết định Phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hà Giang đến năm 2020”	UBND tỉnh
7	Kế hoạch số 120/KH-UBND, ngày 20/5/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020.	UBND tỉnh
8	Kế hoạch số 20/KH-UBND, ngày 14/01/2016	Kế hoạch xây dựng và phát triển thương hiệu cho sản phẩm đặc sản của tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020.	UBND tỉnh
9	Kế hoạch số 99/KH-UBND, ngày 22/4/2016	Kế hoạch triển khai dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2020.	UBND tỉnh
10	Quyết định số 294/QĐ-UBND, ngày 06/3/2017	Quyết định ban hành Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp về lĩnh vực KH&CN trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2017 - 2020	UBND tỉnh

11	Kế hoạch số 136/KH-UBND, ngày 11/5/2017	Kế hoạch triển khai ứng dụng tem điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
12	Kế hoạch số 122/KH-UBND, ngày 3/4/2018	Kế hoạch triển khai mở ứng dụng tem điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản trên địa bàn tỉnh	UBND tỉnh
13	Kế hoạch số 129/KH-UBND, ngày 22/4/2019	Kế hoạch triển khai đề án áp dụng và quản lý Hệ thống truy suất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	UBND tỉnh
14	Quyết định số 2421/QĐ-UBND, ngày 16/11/2021	Quyết định ban hành Chương trình Chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ tạo sinh kế cho người dân trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025	UBND tỉnh
15	Kế hoạch số 124/KH-UBND, ngày 15/4/2021	Kế hoạch đăng ký và phát triển quyền sở hữu công nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2025.	UBND tỉnh
16	Kế hoạch số 16/KH-UBND, ngày 12/01/2021	Kế hoạch đẩy mạnh ứng dụng Khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp hợp tác xã tỉnh Hà Giang đến 2025	UBND tỉnh
17	Kế hoạch số 210/KH-UBND, ngày 21/7/2021	Kế hoạch về phát triển mạng lưới bưu chính, bưu chính công ích và chuyển phát phục vụ chuyển đổi số tỉnh Hà Giang đến năm 2025	UBND tỉnh
18	Kế hoạch số 227/KH-UBND, ngày 17/8/2021	Kế hoạch về Phát triển Hạ tầng Viễn thông phục vụ Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang, giai đoạn 2021 - 2025	UBND tỉnh
19	Kế hoạch số 293/KH-UBND, ngày 07/12/2021	Kế hoạch về triển khai thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TU ngày 29/10/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Giang giai đoạn 2021 - 2015, định hướng đến năm 2030.	UBND tỉnh
III	Các huyện, thành phố		
20	Kế hoạch số 2371/KH-UBND, ngày 8/9/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất Thành phố Hà Giang, giai đoạn 2016 - 2020	UBND thành phố Hà Giang
21	Kế hoạch số 149/KH-UBND, ngày 28/9/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Vị Xuyên giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Vị Xuyên
22	Kế hoạch Số 116/KH-UBND, ngày 20/7/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Quang Bình giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Quang Bình
23	Kế hoạch Số 173/KH-UBND, ngày 11/10/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Yên Minh giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Yên Minh
24	Kế hoạch Số 200/KH-UBND, ngày 5/10/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ	UBND huyện Mèo Vạc

		thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Mèo Vạc giai đoạn 2016 - 2020	
25	Kế hoạch Số 140/KH-UBND, ngày 12/9/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Bắc Mê giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Bắc Mê
26	Kế hoạch Số 138/KH-UBND, ngày 29/7/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Đồng Văn giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Đồng Văn
27	Kế hoạch Số 204/KH-UBND, ngày 27/10/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Hoàng Su Phì giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Hoàng Su Phì
28	Kế hoạch Số 106/KH-UBND, ngày 26/7/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất huyện Xín Mần giai đoạn 2016 - 2020	UBND huyện Xín Mần
IV	Các Sở ngành		
29	Kế hoạch số 271/KH-TTr, ngày 5/9/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Thanh tra tỉnh
30	Kế hoạch Số 411/KH-SXD, ngày 31/8/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở Xây dựng
31	Kế hoạch Số 126/KH-STP, ngày 27/8/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở Tư Pháp
32	Kế hoạch Số 52/KH-SNN, ngày 03/10/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở Nông nghiệp & PTNT
33	Kế hoạch Số 45/KH-SKHĐT, ngày 16/9/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư
34	Kế hoạch Số 44/KH-SLĐTBXH, ngày 5/10/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở LĐTB&XH
35	Kế hoạch Số 38/KH-STNMT, ngày 29/8/2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
36	Số 829/KH-SKH&CN, ngày 19 tháng 10 năm 2016	Kế hoạch đột phá ứng dụng KHKT &CN giai đoạn 2016 - 2020	Sở KH&CN

PHỤ LỤC SỐ 02
DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC
GIA; CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NGHIÊN CỨU KH-CN GIAI ĐOẠN 2012-2021
 (Kèm theo báo cáo số 285-BC/TU, ngày 09/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ)

Số TT	Tên Chương trình KHCN	Năm thực hiện	Ghi chú
1	2	3	4
I	Chương trình KHCN cấp quốc gia, cấp bộ		
1	Tuyên truyền phổ biến kiến thức về Sở hữu trí tuệ trên Đài truyền hình tỉnh Hà Giang	2012 - 2013	
2	Xây dựng mô hình sấy gỗ điều khiển, giám sát tự động quy mô $3 \times 30m^3 = 90 m^3/m\acute{e}$.	2012	
3	Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình sản xuất và chế biến chè Shan tại huyện Quang Bình tỉnh Hà Giang	2012	
4	Quản lý và phát triển CDDL "Mèo Vạc" cho sản phẩm mật ong bạc hà của tỉnh Hà Giang	2015	
5	Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Quản Bạ" dùng cho sản phẩm hồng không hạt của huyện Bản Bạ của tỉnh Hà Giang	2015 - 2016	
6	Xây dựng hồ hình ứng dụng công nghệ xử lý nước mặt để cấp nước sạch tập trung tại xã Tùng Bá, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang	2016 - 2018	
7	Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình thâm canh chè theo tiêu chuẩn VietGAP và chế biến chè chất lượng cao phục vụ xuất khẩu tại huyệnj Quang Bình, tỉnh Hà Giang	2016 - 2018	
8	Xây dựng chỉ dẫn địa lý "Xín Mần" dùng cho sản phẩm gạo tẻ Già Dui của huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	2016 - 2017	
9	Ứng dụng khoa học và công nghệ trong nhân giống, trồng rừng thâm canh Keo lai (BV10, BV 16, BV 32) cung cấp nguyên liệu gỗ lớn tại tỉnh Hà Giang	2017 - 2021	
10	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng các mô hình nuôi vỗ béo bò vàng Đồng Văn nhằm hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội các huyện vùng cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang	2017 - 2019	
11	Ứng dụng khoa học và công nghệ sản xuất ván ghép thanh từ gỗ rừng trồng tại tỉnh Hà Giang	2018 - 2020	
12	Ứng dụng công nghệ nhân giống và trồng rừng thâm canh Thông Caribe (<i>Pinus caribaea</i> Morelet) cung cấp gỗ lớn tại huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang	2018 - 2021	
13	Nghiên cứu xác định vùng trồng và các giải pháp kỹ thuật phát triển cây Bạc Hà và nuôi ong lấy mật tại vùng cao nguyên đá tỉnh Hà Giang	2018 - 2021	
14	Ứng dụng công nghệ sinh sản phát triển giống bò vàng cao nguyên đá Đồng Văn tỉnh Hà Giang	2019	

15	Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ xây dựng chuỗi giá trị lợn Lũng Pù tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang	2019	
16	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình phát triển cây cam chất lượng cao, rải vụ trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2019	
17	Ứng dụng tiên bộ khoa học và công nghệ phát triển một số loại cây dược liệu (Dang sâm, Hà thủ ô đỏ, Kim ngân, Nhân trần, Ý dĩ) ở tỉnh Hà Giang	2019	
18	Quản lý và phát triển CDDL "Hà Giang" dùng cho sản phẩm Cam sành của tỉnh Hà Giang	2019	
19	Ứng dụng khoa học và công nghệ trong sản xuất nấm Đông trùng hạ thảo (<i>Cordyceps militaris</i>) trên giá thể gạo lứt và các ký chủ khác nhau tại tỉnh Hà Giang	2020	
20	Nghiên cứu xác định vùng trồng và các giải pháp kỹ thuật phát triển cây Bạc Hà và nuôi ong lấy mật tại vùng cao nguyên đá tỉnh Hà Giang	2021	
21	Nghiên cứu công nghệ, thiết bị chế tạo sản phẩm bánh men lá, trong sản xuất rượu ngô của đồng bào các dân tộc vùng cao tỉnh Hà Giang	2021	
II	Đề tài, dự án nghiên cứu KH&CN cấp tỉnh		
1	Nghiên cứu, khai thác, bảo tồn văn hoá nghệ thuật dân tộc Dao ở tỉnh Hà Giang	2012 - 2014	
2	Công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng chống tội phạm trên tuyến biên giới tỉnh Hà Giang - Thực trạng và giải pháp Mã số: KXĐT-HG-01(2012)	2012 - 2014	
3	Lịch sử công tác Đảng, Chính trị trong lực lượng vũ trang tỉnh Hà Giang (1945- 2010) MS:KXĐT-HG-03(2012)	2012 - 2013	
4	Nâng cao nhận thức về giá trị di sản công viên địa chất toàn cầu cao nguyên đá Đồng Văn cho học sinh các trường THPT tỉnh Hà Giang	2012	
5	Giải pháp truyền thông cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang	2012 - 2014	
6	Ứng dụng bơm xoắn ốc quay bằng sức dòng suối để cung cấp nước phục vụ sản xuất, đời sống cho hộ, nhóm hộ	2010 - 2013	
7	Đề tài: ứng dụng điều trị cắt cơn nghiện ma túy bằng thuốc CAMAT cho người nghiện ma túy tỉnh Hà Giang	2012	
8	Dự án: ứng dụng KH&CN xây dựng mô hình trồng chuỗi tây bằng phương pháp cây mô thâm canh trên đất dốc tại huyện Quang Bình, Hà Giang	2012 - 2013	
9	Khảo nghiệm một số giống ngô lai mới năng suất, chất lượng trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2012 - 2014	

10	Dự án: Nâng cao nhận thức và khả năng ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất nông hộ tại huyện Bắc Quang tỉnh Hà Giang	2012 - 2012	
11	Đề tài: Nghiên cứu, đánh giá các nguồn nước đủ điều kiện để xây dựng mô hình phát triển nuôi cá Tầm, cá Hồi phục vụ cho phát triển kinh tế xã hội tỉnh Hà Giang	2012 - 2014	
12	Nghiên cứu, biên soạn địa chí tỉnh Hà Giang	2013 - 2015	
13	Tái cấu trúc đầu tư công tỉnh Hà Giang	2014 - 2016	
14	Nhân giống hoa hồng tại chỗ tại Phó Bảng hoặc Trung tâm giống cây trồng Đạo Đức	2013 - 2015	
15	Nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng suất hiệu quả sử dụng đất ruộng tại hai huyện Bắc Mê, Yên Minh tỉnh Hà Giang.	2013 - 2015	
16	Nghiên cứu, điều tra, khảo sát và xây dựng chiến lược phát triển cây dược liệu tỉnh Hà Giang	2013 - 2015	
17	Nghiên cứu tác nhân gây ngộ độc ở bánh trôi ngô, mèn mèn tại Hà Giang và một số giải pháp can thiệp	2013 - 2015	
18	Khảo sát thực trạng bệnh viêm tai giữa ứ dịch ở trẻ em dưới 6 tuổi tại 2 huyện và thành phố ứng dụng phẫu thuật nội soi điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang	2013 - 2014	
19	Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao kỹ thuật phẫu thuật trĩ bằng phương pháp longgo tuyến huyện trong tỉnh Hà Giang	2013 - 2015	
20	Xử lý nguồn gây ô nhiễm, nâng cao chất lượng nước hồ chứa xã Quyết Tiến, huyện Quán Bạ, phục vụ sản xuất rau hoa an toàn chất lượng cao	2013 - 2014	
21	Điều tra, đánh giá, kế thừa, ứng dụng và phát triển các bài thuốc dân gian có giá trị phòng bệnh, chữa bệnh cho cộng đồng tại tỉnh HG	2014-2015	
22	Ứng dụng công nghệ lò đốt BD-ANPHA để xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Yên Minh tỉnh Hà Giang (Điều chỉnh địa điểm - về huyện Quán Bạ)	2015 - 2015	
23	Nghiên cứu ứng dụng Hệ thống thông tin địa lý GIS trong quản lý hạ tầng Bưu chính - Viễn thông tỉnh Hà Giang	2014 - 2015	
24	Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thông tin địa lý (GIS) xây dựng bản đồ trực tuyến quản lý không gian du lịch tỉnh Hà Giang	2014-2016	

25	Nghiên cứu xác định các giá trị nổi bật và thử nghiệm tôn tạo một số loại hình di sản phục vụ phát triển du lịch trên Công viên Địa chất Toàn cầu Cao nguyên đá Đồng văn	2014-2017	
26	Nghiên cứu, đánh giá hiện trạng ô nhiễm môi trường do các hoạt động khai thác khoáng sản tại một số loại hình mỏ điển hình (antimon,sắt,mangan, chì kẽm) và đề xuất các biện pháp khắc phục xử lý tại địa bàn tỉnh Hà Giang.	2014-2017	
27	Nghiên cứu ảnh hưởng một số tai biến tự nhiên điển hình đến phát triển động kinh tế - xã hội trên Công viên địa chất toàn cầu Cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang.	2014 - 2015	
28	Nghiên cứu xây dựng mô hình du lịch nông nghiệp phục vụ cho du lịch cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang	2014 - 2016	
29	Áp dụng kỹ thuật thụ phấn bổ sung cho cây Na, khảo nghiệm giống Na dai ruột tím tại tỉnh Hà Giang.	2014 - 2017	
30	Nghiên cứu áp dụng các giải pháp khoa học và công nghệ nâng cao năng suất , chất lượng quả hồng không hạt trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2014 - 2017	
31	Ứng dụng tiến bộ KHKT, xây dựng mô hình nuôi cá lồng, vịt bầu trên lòng hồ thủy điện Sông Chùng, huyện Quang Bình	2014 - 2016	
32	ứng dụng TBKT xây dựng mô hình trồng và nhân giống cây hoàng tinh hoa đỏ dưới tán rừng quy mô gia đình trên địa bàn huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang	2014 - 2017	
33	ứng dụng tiến bộ KHKT mở rộng mô hình nuôi ếch Thái Lan và trồng Khoai tây vụ đông quy mô hộ gia đình tại thành phố Hà Giang	2014 - 2015	
34	Nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch đặc thù từ Đá tại CVĐC toàn cầu	2014 - 2016	
35	Giải pháp nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác đào tạo nghề trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2014 - 2016	
36	Thực trạng ứng dụng lược đồ tư duy nhằm nâng cao chất lượng dạy và học mô hóa học ở các trường Trung học phổ thông tỉnh Hà Giang.	2014 - 2016	
37	Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp quản lý lao động tự do qua biên giới làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Giang.	2014 - 2016	
38	Một số trận chiến đấu điển hình trên địa bàn tỉnh Hà Giang (1979 - 1989) 1657/QĐ-UBND	2014 - 2015	
39	Nghiên cứu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức xây dựng Đảng của tỉnh Hà Giang trong thời kỳ hiện nay.	2014 - 2016	

40	Nghiên cứu đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động mô hình phòng cháy, chữa cháy rừng trong cộng đồng dân cư tỉnh Hà Giang	2014 - 2016	
41	Nghiên cứu tuyển chọn, phát triển cam sành không hạt hoặc ít hạt và nâng cao năng suất, chất lượng cam sành Hà Giang	2015 - 2018	
42	Ứng dụng TBKHCN xây dựng mô hình phát triển trâu lai hướng thịt tại tỉnh Hà Giang	2015 - 2017	
43	Xây dựng mô hình phát triển cây Xạ đen trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2015 - 2018	
44	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh sản nhân tạo giống cá Chiền, cá Lăng chấm tại Trung tâm thủy sản tỉnh Hà Giang	2015 - 2017	
45	Nghiên cứu ứng dụng thuốc trừ sâu thảo mộc trong sản xuất rau an toàn tại tỉnh Hà Giang	2016 - 2017	
46	Nghiên cứu cơ sở lý luận thực tiễn về vai trò của quản lý nhà nước trong dự án phát triển sản phẩm Bò Vàng cao nguyên đá Hà Giang theo hình thức đối tác công tư (PPP)	2015 - 2016	
47	Nghiên cứu mặt trận Tây sông Lô, Bắc Vị Xuyên tỉnh Hà Giang trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc 1979-1989	2015 - 2016	
48	Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sản xuất một số sản phẩm từ nguồn dược liệu tỉnh Hà Giang	2015 - 2016	
49	Nghiên cứu kỹ thuật sản xuất giống và phát triển các loài dược liệu trong danh mục ưu tiên của tỉnh Hà Giang	2016 - 2019	
50	Ứng dụng mở rộng dự án lai tạo nhằm phát triển đàn ngựa phục vụ sản xuất và đời sống văn hóa đồng bào các dân tộc trên địa bàn huyện Quản Bạ - Hà Giang	2016 - 2018	
51	Nghiên cứu xây dựng chương trình và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2016 - 2017	
52	Xây dựng kịch bản trưng bày và chuẩn bị các mẫu vật (về địa chất và sinh vật) cho Bảo tàng thiên nhiên Mini Hà Giang	2016 - 2019	
53	Xây dựng phần mềm quản lý bệnh án điện tử ứng dụng cho tỉnh Hà Giang	2016 - 2017	
54	Nghiên cứu công nghệ tinh chế, nâng cao chất lượng giá trị mật ong bạc hà cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang	2016 - 2017	
55	Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển trồng Lan kim tuyến trên hốc đá trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2017 - 2020	
56	Nghiên cứu thu thập bảo tồn một số loài Lan rừng (bản địa) Hà Giang.	2017 - 2019	
57	Nghiên cứu phân tích bổ xung chỉ tiêu chất lượng sản phẩm chỉ dẫn địa lý cho mật ong bạc hà Cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang	2017 - 2018	

58	Chuyển giao công nghệ chế biến một số sản phẩm từ Giảo cổ lam, Ấu tâu của Hà Giang	2017 - 2019	
59	Nghiên cứu, xây dựng đề cương thành phố thông minh và thử nghiệm giải pháp nông nghiệp thông minh tại Hà Giang.	2017 - 2018	
60	Nghiên cứu biên soạn bộ tài liệu giảng dạy môn học Khởi nghiệp và môn học Kinh tế - Xã hội địa phương trong các trường Trung cấp, Cao đẳng tỉnh Hà Giang.	2017 - 2020	
61	Nghiên cứu, biên soạn và tích hợp các giá trị di sản địa phương cho học sinh các trường phổ thông tỉnh Hà Giang.	2017 - 2019	
62	Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi bò quy mô hộ gia đình tại bốn huyện vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang	2018 - 2020	
63	Nghiên cứu phát triển thức ăn chăn nuôi mùa đông cho đại gia súc trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2018 - 2019	
64	Nghiên cứu tuyển chọn và phát triển các giống cây ăn quả ôn đới (lê, đào, mận, hồng) tại 4 huyện vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang	2018 - 2022	
65	Nghiên cứu bảo tồn và phát triển gen một số loài thủy sản trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2018 - 2021	
66	Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sản xuất sản phẩm tỏi đen và hoa Atiso theo chuỗi giá trị tại tỉnh Hà Giang	2018 - 2020	
67	Ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng cơ sở dữ liệu ngành nông lâm nghiệp tỉnh Hà Giang	2018 - 2020	
68	Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ gen bệnh Thalassemia ở một số dân tộc thiểu số tại tỉnh Hà Giang	2018 - 2019	
69	Nghiên cứu mặt trận Đông sông Lô, Bắc Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc (1979-1989)	2018 - 2019	
70	Nghiên cứu xây dựng các mô hình liên kết trong phát triển du lịch cộng đồng nhằm nâng cao thu nhập cho các hộ dân tại các huyện phía Tây thuộc tỉnh Hà Giang	2018 - 2019	
71	Nghiên cứu xây dựng chính sách bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống độc đáo (tiêu biểu) của các dân tộc thiểu số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang	2018 - 2020	
72	Phát triển nguồn lao động và giải quyết việc làm ở tỉnh Hà Giang giai đoạn 2020 – 2025, tầm nhìn 2030	2018 - 2020	
73	Giải pháp xây dựng tổng thể sản phẩm và điểm đến du lịch gắn với khai thác tối ưu các giá trị của Hà Giang trong phát triển du lịch bền vững.	2018 - 2020	
74	Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp tỉnh Hà Giang giai đoạn 2014-2020	2018	
75	Nghiên cứu, bảo tồn và phát triển bền vững cây chè Shan tuyết cổ thụ trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2019 - 2022	

76	Ứng dụng KH&CN phát triển một số cây dược liệu (Đảng sâm, Hà Thủ Ô, Kim ngân hoa, Nhân trần, Ý dĩ) ở tỉnh Hà Giang	2019 - 2021	
77	Đánh giá tác động của thuốc bảo vệ thực vật và phân bón vô cơ đối với sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2019 - 2021	
78	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình chế biến sản phẩm thảo quả trên địa bàn huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	2019-2021	
79	Nghiên cứu ứng dụng và hoàn thiện mô hình nhà tiêu sinh học phục vụ khu vực tập trung tại vùng khan hiếm nước	2019	
80	Nghiên cứu xây dựng và hoạt động của khu vực phòng thủ tỉnh Hà Giang trong tình hình mới	2019 - 2020	
81	Nghiên cứu phát triển chuỗi cung ứng nông sản sạch của tỉnh Hà Giang	2019 - 2021	
82	Nghiên cứu, biên soạn lịch sử UBND tỉnh Hà Giang giai đoạn 1945-2020	2019 - 2021	
83	Nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện quy trình nhân giống và phát triển cây Sâm cau trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2020 - 2022	
84	Xác lập vùng sản xuất nông lâm nghiệp hàng hóa chủ lực dựa trên tiềm năng, lợi thế của tỉnh Hà Giang	2020 - 2021	
85	Ứng dụng công nghệ sinh sản xây dựng mô hình phối giống chủ động nhằm cải tạo và nhân nhanh đàn bò vùng cao nguyên đá tỉnh Hà Giang	2020	
86	Bảo tồn và phát triển một số cây thuốc thuộc diện quý hiếm cấp quốc gia hiện có tại Hà Giang	2020 - 2023	
87	Xây dựng mô hình thử nghiệm giống Xoài Dài Loan và giống Xoài Thái trên địa bàn huyện Yên Minh	2020 - 2023	
88	Nghiên cứu ứng dụng KH&CN điều chế dung dịch vệ sinh phụ nữ từ dịch chiết Chè xanh và nghệ vàng tại tỉnh Hà Giang	2020 - 2021	
89	Xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu thông tin thông minh tỉnh Hà Giang	2,020	
90	Nghiên cứu thử nghiệm lựa chọn vật liệu xây dựng và công nghệ thi công phục vụ bảo tồn và phát triển di sản kiến trúc nhà trình tường trên cao nguyên đá Đồng Văn, Hà Giang	2020-2021	
91	Nghiên cứu xây dựng hệ thống thông tin khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Giang	2020	
92	Nghiên cứu hoạt động của đông sét và triển khai giải pháp phòng chống sét trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2020 - 2022	
93	Ứng dụng sản phẩm phụ gia RRP (Reynolds road packer) để sản xuất gạch không nung, làm đường giao thông, xây dựng các công trình thủy lợi	2020 - 2022	

94	Phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2020 - 2021	
95	Xây dựng mô hình nhà nông làm du lịch gắn với bảo tồn, khai thác và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2020 - 2021	
96	Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo kép gắn giải quyết việc làm cho học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh Hà Giang	2020 - 2021	
97	Biên niên sự kiện lịch sử lực lượng vũ trang Hà Giang 1975-2020	2020 - 2021	
98	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp bài trừ một số tập tục lạc hậu trong đồng bào dân tộc thiểu số tỉnh Hà Giang	2020 - 2021	
99	Nghiên cứu sàng lọc Ung thư cổ tử cung, điều trị tổn thương tiền ung thư, dự phòng thứ cấp ở phụ nữ tại 5 huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh trong thời gian từ 2020 đến năm 2022	2020 - 2022	
100	Triển khai đề án áp dụng và quản lý Hệ thống truy suất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2020	
101	Phục tráng, nhân giống, trồng mới cây quýt Bội đặc sản theo phương thức đặt hàng thực hiện Đề tài khoa học	2021 - 2024	
102	Xây dựng mô hình sản xuất, bảo quản, chế biến chuỗi sản phẩm từ chuỗi tiêu tại Hà Giang	2021 - 2023	
103	Ứng dụng KH&CN nâng cao chất lượng bề mặt nguyên liệu gỗ trồng để sản xuất đồ mộc, ván sàn chất lượng cao tại tỉnh Hà Giang	2021 - 2022	
104	Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2021 - 2022	
105	Nghiên cứu thực trạng và giải pháp hỗ trợ mô hình khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho thanh niên tỉnh Hà Giang	2021 - 2023	
III	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở		
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế	2016 - 2020	Sở Y tế
2	Triển khai phần mềm quản lý Y tế xã phường liên thông	2016 - 2020	Sở Y tế
3	Triển khai phẫu thuật thay khớp háng, phẫu thuật nội soi khớp gối tại bệnh viện đa khoa tỉnh	2016 - 2020	Sở Y tế
4	Triển khai đặt máy tạo nhịp tạm thời tại Bệnh viện đa khoa tỉnh	2016 - 2020	Sở Y tế
5	Triển khai xét nghiệm Genxpest chẩn đoán lao nhanh và lao kháng thuốc	2016 - 2020	Sở Y tế
6	Phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử	2016 - 2020	Sở Y tế
7	Triển khai thận nhân tạo tại Bệnh viện đa khoa khu vực Yên Minh	2016 - 2020	Sở Y tế

8	Ứng dụng khoa học công nghệ hỗ trợ sản xuất hàng hóa và xây dựng chuỗi giá trị cây dược liệu Kim ngân	2016 - 2020	Sở Y tế
9	Siêu âm Doppler tim qua thực quản	2016 - 2020	Sở Y tế
10	Siêu lọc HDF online	2016 - 2020	Sở Y tế
11	Sinh học phân tử PCR, đo tải lượng Virus viêm gan B, HIV	2016 - 2020	Sở Y tế
12	Thở máy cao tần HFV	2016 - 2020	Sở Y tế
13	Xây dựng kho dữ liệu phác đồ điều trị ngành y tế Hà Giang	2016 - 2020	Sở Y tế
14	Cung cấp dịch vụ trực tuyến mức độ 4 trong lĩnh vực đăng ký kinh doanh	2016 - 2020	Sở Y tế
15	Xây dựng và triển khai hệ thống quản lý chương trình, dự án đầu tư công trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2016 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư
16	Triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến trong lĩnh vực đăng ký đầu tư	2016 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư
17	Ứng dụng KHCN vào sản xuất chất lọc bền vững và không độc hại cho cư dân nông thôn	2016 - 2020	Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	Ứng dụng cát xay thay cát vàng để sản xuất bê tông thông thường và vữa xây trên địa bàn tỉnh Hà Giang	2016 - 2020	Sở Xây dựng
19	Hoàn thành việc ứng dụng phần mềm vào công tác quản lý đối tượng bảo trợ xã hội	2016 - 2020	Sở Lao động TB&XH
20	Ứng dụng phần mềm tra cứu, tìm kiếm việc làm	2016 - 2020	Sở Lao động TB&XH
21	Đề xuất nhiệm vụ: Nghiên cứu dịch tễ học rối loạn phổ tự kỷ ở trẻ em tỉnh Hà Giang, xây dựng giải pháp phát hiện và can thiệp sớm	2016 - 2020	Sở Lao động TB&XH
22	Triển khai giải pháp "Kiềng ba chân" đăng ký và quản lý lịch tư pháp trên hệ thống https://ltp.moj.gov.vn	2016 - 2020	Sở Tư pháp
23	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ	2016 - 2020	Sở Tư pháp
24	Triển khai phần mềm quản lý hộ tịch	2016 - 2020	Sở Tư pháp
25	Phần mềm công chứng chứng thực từ cấp tỉnh đến 195 xã phường, thị trấn	2016 - 2020	Sở Tư pháp
26	Cập nhật cơ sở dữ liệu quốc gia về văn bản pháp luật từ năm 1991 đến nay trên trang http://www.vbpl.vn	2016 - 2020	Sở Tư pháp
27	Vận hành tốt trang thông tin điện tử của Sở http://stp.hagiang.gov.vn nhằm mục đích tuyên truyền, quảng bá lĩnh vực Tư pháp trên địa bàn toàn tỉnh; xây dựng tủ sách pháp luật điện tử; bản tin Tư pháp điện tử	2016 - 2020	Sở Tư pháp
28	Phần mềm tra cứu thông tin hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp	2016 - 2020	Sở Tư pháp
29	Tập huấn, triển khai hệ thống phần mềm đăng ký hộ tịch	2016 - 2020	Sở Tư pháp
30	Phần mềm công chứng, chứng thực (triển khai trên địa bàn toàn tỉnh)	2016 - 2020	Sở Tư pháp

31	Đưa bộ giống cây Lâm nghiệp tốt vào sản xuất để nâng cao năng suất rừng trồng	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
32	Hỗ trợ chuyển giao công nghệ chế biến chè hữu cơ	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
33	Dự án tiếp nhận và ứng dụng chuyển giao khoa học kỹ thuật thụ tinh nhân tạo bằng tinh cọng rạ	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
34	Nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
35	Ứng dụng Khoa học công nghệ đưa cơ giới hóa vào sản xuất nông nghiệp đạt 40,5% trở lên	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
36	Dự án “Bảo tồn và phục tráng giống lúa Già Đui, Nếp Quảng Nguyên huyện Xín Mần”	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
37	Dự án “Chọn lọc và bảo tồn một số giống ngô địa phương chất lượng tốt, chống chịu cao thích ứng với biến đổi khí hậu”	2016 - 2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
38	Dự án “nhượng quyền thương mại sản xuất giống lúa Japonica làm cơ sở xây dựng vùng sản xuất lúa hàng hóa chất lượng cao tại Hà Giang”	2016-2020	Sở Nông nghiệp &PTNT
39	Ứng dụng công nghệ xử lý chất thải sinh hoạt và chất thải chăn nuôi khu vực nông thôn thị trấn, thị tứ trên địa bàn tỉnh	2016 - 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
40	Chuyển giao ứng dụng KHCN trong xử lý môi trường gắn với xây dựng nông thôn mới	2016 -2020	Sở Tài nguyên và Môi trường
41	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp XNK trên địa bàn tỉnh	2016 - 2020	Sở Công thương
42	Xây dựng hệ thống và quản lý trực tuyến thông tin xuất nhập khẩu	2016 - 2020	Sở Công thương
43	Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền riêng của doanh nghiệp	2016 - 2020	Sở Công thương
44	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website TMĐT	2016 - 2020	Sở Công thương
45	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các Sàn giao dịch TMĐT	2016 - 2020	Sở Công thương
46	Triển khai pháp luật, phổ biến kiến thức về thương mại điện tử cho các doanh nghiệp trong tỉnh.	2016 - 2020	Sở Công thương
47	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	2016 - 2020	Sở Công thương
48	Xây dựng hệ thống và quản lý trực tuyến thông tin xuất nhập khẩu	2016 - 2020	Sở Công thương
49	Cung cấp, cập nhật thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và đánh bạ doanh nghiệp xuất khẩu trên Cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam - VNEX	2016 - 2020	Sở Công thương
50	Triển khai xây dựng hệ thống quản lý, kiểm tra chất lượng sản phẩm trực tuyến trên thiết bị di động bằng mã ma trận Qr-code truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông sản	2016 - 2020	Sở Công thương
51	Nghị quyết số 08- NQ/TU ngày 6/7/2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ	2016 - 2020	Sở Nội vụ
52	Chiến lược Hội nhập quốc tế tỉnh Hà Giang đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	2016 - 2020	Sở Nội vụ

53	Quyết định số 720-QĐ/TU ngày 22/3/2017 và Quyết định số 2043-QĐ/TU ngày 3/9/2019 của Tỉnh ủy Hà Giang	2016 - 2020	Sở Nội vụ
54	Đề án nâng cao hiệu quả Hợp tác toàn diện giữa tỉnh Hà Giang, Việt Nam với tỉnh Vân Nam và Khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây, Trung Quốc giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030	2016 - 2020	Sở Nội vụ
55	Hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh	2016 - 2020	Sở Nội vụ
56	Nâng cấp hệ thống quản lý y tế xã phường	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
57	Mở rộng giao ban trực tuyến của tỉnh và kết nối liên thông đến các xã phường thị trấn.	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
58	Xác thực bảo mật an toàn thông tin và tích hợp chữ ký số chuyên dùng	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
59	Triển khai điểm phủ sóng wifi công cộng	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
60	Nâng cấp bổ sung hạ tầng trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
61	Đào tạo chuẩn kỹ năng cơ bản, nâng cao về ứng dụng CNTT cho CBCCVC phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ của các cơ quan nhà nước theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
62	Đào tạo quản trị các hệ thống CNTT, chuẩn kỹ năng nhân lực CNTT chuyên nghiệp cho CCVC chuyên trách CNTT theo Thông tư 11/2015/TT-BTTTT	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
63	Xây dựng nền tảng, chia sẻ quy mô cấp tỉnh - LGSP (kiến trúc chính quyền điện tử)	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
64	Phần mềm xếp hạng ứng dụng CNTT trong cơ quan hành chính nhà nước	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
65	Hệ thống quản lý giáo dục	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
66	Triển khai trang thông tin điện tử xã	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
67	Hiện đại hóa hạ tầng Trung tâm CNTT&TT	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
68	Triển khai một cửa điện tử liên thông xã, phường, thị trấn với trung tâm hành chính công	2016 - 2020	Sở Thông tin và Truyền thông
69	Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất rau, hoa	2016 - 2020	Huyện Quang Bình
70	Áp dụng KHKT và công nghệ vào sản xuất nâng cao chất lượng Chè, Cam theo hướng Viet GAP, sản xuất lúa hàng hoá.	2016 - 2020	Huyện Quang Bình
71	Chương trình liên kết các Doanh nghiệp ứng dụng KHKT vào sản xuất	2016 - 2020	Huyện Quang Bình
72	Tổ chức hoàn thiện hồ sơ chứng nhận sản xuất Viet Gap cho chè và cam	2016 - 2020	Huyện Quang Bình

73	Thực hiện áp dụng kỹ thuật và chuyên gia khoa học nhằm tăng vụ cho diện tích đất 01 vụ đối với các xã vùng cao	2016 - 2020	Huyện Quang Bình
74	Tiếp tục triển khai, theo dõi, đánh giá quá trình thực hiện mô hình thụ tinh nhân tạo cho đàn trâu tại thôn Hạ, Hạ thành xã Bằng Lang	2016 - 2020	Huyện Quang Bình
75	Áp dụng khảo học kỹ thuật để hình thành các khu chăn nuôi tập trung bằng con giống bản địa	2016 - 2020	Huyện Quang Bình
76	Ứng dụng CNTT nâng cao chất lượng trong dạy và học Tiếng Anh cho cấp học mầm non và tiểu học	2016 - 2020	Thành phố Hà Giang
77	Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng Nông thôn mới	2016 - 2020	Thành phố Hà Giang
78	Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình trồng măng tây xanh theo hướng VietGAP tại xã Phương Thiện	2016 - 2020	Thành phố Hà Giang
79	Bảo tồn phát huy bản sắc dân tộc Tày gắn với xây dựng làng văn hóa du lịch cộng đồng thôn Lâm Đồng, xã Phương Thiện, thành phố Hà Giang	2016 - 2020	Thành phố Hà Giang
80	Xây dựng NHCN “Thịt lợn đen thành phố Hà Giang”	2016 - 2020	Thành phố Hà Giang
81	Ứng dụng KHKT và công nghệ trong phát triển vành đai thực phẩm nông nghiệp, sản phẩm chuyên sâu (các loài rau, thịt gia cầm, thịt lợn) phục vụ du lịch	2016 - 2020	Thành phố Hà Giang
82	Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sinh sản để cải tạo và phát triển đàn bò huyện Mèo Vạc	2016 - 2020	Huyện Mèo Vạc
83	Ứng dụng tiến bộ KHKT trong sản xuất nông nghiệp	2016 - 2020	Huyện Bắc Quang
84	Mô hình sản xuất giống lạc giống chất lượng cao	2016 - 2020	Huyện Bắc Quang
85	Hỗ trợ mô hình chăn nuôi tại địa phương	2016 - 2020	Huyện Bắc Quang
86	Ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sinh sản cải tạo đàn bò lai sinh và bò vàng Đồng Văn	2016 - 2020	Huyện Đồng Văn
87	Ứng dụng quy trình trồng, chăm sóc thu hoạch và bảo quản giống cây tam giác mạch phục vụ du lịch	2016 - 2020	Huyện Đồng Văn
88	Thụ tinh nhân tạo cho đàn bò	2016 - 2020	Huyện Đồng Văn
89	Ứng dụng công nghệ thông tin trong cải cách hành chính tại Phòng giao dịch một cửa liên thông huyện Đồng Văn	2016 - 2020	Huyện Đồng Văn
90	Ứng dụng KHKT vào sản xuất xây dựng nhà xưởng kho bảo quản lạnh phát triển sản phẩm ớt gió và nông sản địa phương	2016 - 2020	Huyện Đồng Văn
91	Ứng dụng mô hình xử lý chất thải chăn nuôi	2016 - 2020	Huyện Đồng Văn
92	Ứng dụng thụ tinh nhân tạo trong phát triển đàn bò	2016 - 2020	Huyện Vị Xuyên
93	Sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với xây dựng Nông thôn mới	2016 - 2020	Huyện Vị Xuyên
94	Phát triển Trâu bò hàng hóa tập theo vùng hàng hóa tập trung theo vùng gắn với trồng cỏ tại huyện Bắc Mê	2016 - 2020	Huyện Bắc Mê

95	Dự án cá Bống sinh sản nhân tạo tại huyện Bắc Mê	2017	Huyện Bắc Mê
96	Dự án trồng cây đinh lăng tại huyện Bắc Mê	2017	Huyện Bắc Mê
97	Dự án trồng cây dược liệu Đương quy tại thôn Phiêng Luông, xã Phiêng Luông, huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang	2016 - 2020	Huyện Bắc Mê
98	Đăng ký nhãn hiệu tập thể cho sản phẩm tinh dầu Hồi Bắc Mê, tinh bột nghệ	2016 - 2020	Huyện Bắc Mê
99	Chương trình phát triển đàn trâu, bò hàng hoá tập trung theo vùng gắn với trồng cỏ.	2016 - 2020	Huyện Bắc Mê
100	Bảo tồn và phát triển giống dê đen bản địa tại thôn Bản Lằng, xã Yên Phong, huyện Bắc Mê	2016 - 2020	Huyện Bắc Mê
101	Dự án trồng rau theo tiêu chuẩn VIETGAP tại thị trấn Yên Phú huyện Bắc Mê.	2016 - 2020	Huyện Bắc Mê
102	Bảo tồn, phát triển dược liệu theo chuỗi để nâng cao giá trị sản phẩm	2016 - 2020	Huyện Quản Bạ
103	Phát triển giá trị sản phẩm Hồng không hạt Quản Bạ	2016 - 2020	Huyện Quản Bạ
104	Phát triển sản phẩm mật ong dược liệu	2016 - 2020	Huyện Quản Bạ
105	Mô hình nuôi bò cái sinh sản sử dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo, kết hợp trồng, khai thác dự trữ cỏ	2016 - 2020	Huyện Xín Mần
106	Thâm canh, tăng năng suất, chất lượng giống lúa Già Dui	2016 - 2020	Huyện Xín Mần
107	Ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất Miến dong, rượu mạn, chế biến chè đạt chất lượng hữu cơ	2016 - 2020	Huyện Xín Mần

PHỤ LỤC SỐ 03**THỐNG KÊ VỀ NHÂN LỰC VÀ CÁC TỔ CHỨC KH-CN GIAI ĐOẠN 2012 - 2021**

(kèm theo báo cáo số 285-BC/TU, ngày 09/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

TT	Tên tổ chức KH-CN	Số lượng nhân lực	Loại hình
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1	Sở Khoa học và Công nghệ	34	Nhà nước
2	Phòng Kinh tế hạ tầng/phòng Kinh tế thành phố	11	Nhà nước
3	Trung tâm Thông tin và Chuyển giao công nghệ mới	17	Nhà nước
4	Trung tâm Khoa học kỹ thuật giống cây trồng Đạo Đức	21	Nhà nước
5	Trung tâm Giống cây trồng và gia súc Phó Bảng	21	Nhà nước
6	Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng	5	Nhà nước
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần phát triển Nông Lâm nghiệp Việt Nam	13	DN tư nhân
8	Công ty TNHH Thành Sơn	10	DN tư nhân
9	Công ty CP phát triển công nghệ HG	4	DN tư nhân
10	Công ty CP Khoa học và Công nghệ Hamint	6	DN tư nhân
11	Công ty TNHH đầu tư và phát triển công nghệ Gia hoàng	5	DN tư nhân

PHỤ LỤC SỐ 04**ĐẦU TƯ CHO PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI HOÁ)
GIAI ĐOẠN 2012 - 2021**

(kèm theo báo cáo số 285-BC/TU, ngày 09/5/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chi tiêu	Năm											Ghi chú
		2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2012-2021	
I	Chi sự nghiệp khoa học	10,069	9,895	15,564	11,679	20,852	30,190	25,318	25,130	22,992	19,517	191,206	
1	Ngân sách nhà nước	8,841	9,657	12,650	10,800	10,080	30,190	25,318	25,130	22,992	19,517	175,175	
2	Nguồn xã hội hóa	1,228	238	2,914	879	10,772	0	0	0	0	0	16,031	
II	Chi đầu tư phát triển cho KH&CN	5,600	3,500	5,518	3,400	37,035	4,073	500	9,000	6,000	0	74,626	
Tổng I+II		15,669	13,395	21,082	15,079	57,887	34,263	25,818	34,130	28,992	19,517	265,832	